

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Danh mục Dữ liệu chủ, Dữ liệu gốc tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 22/6/2023;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24/11/2023;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30/11/2024;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ cung cấp thông tin dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật một số nội dung tại Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quy định số 05-QĐ/BCĐTW ngày 27/8/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ban hành quy định về Mô hình liên thông số thống nhất, hiệu quả và quản trị dựa trên quản trị dữ liệu trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

Căn cứ Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số;

Căn cứ Kế hoạch hành động số 19-KH/TU ngày 09/12/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Chỉ thị số 57-CT/TW ngày 31/12/2025 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh dữ liệu quốc gia trong tình hình mới;

Tiếp theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Số 528/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 ban hành Chiến lược dữ liệu tỉnh Điện Biên đến năm 2030, tầm nhìn 2045; số 964/QĐ-UBND ngày 11/5/2026 ban hành Khung kiến trúc dữ liệu Khung quản trị, quản lý dữ liệu, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục Dữ liệu chủ, Dữ liệu gốc tỉnh Điện Biên, bao gồm:

- **Phần I:** Danh mục Dữ liệu chủ dùng chung tỉnh Điện Biên.
- **Phần II:** Danh mục Dữ liệu gốc theo lĩnh vực chuyên ngành.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Danh mục Dữ liệu chủ, Dữ liệu gốc tỉnh Điện Biên (sau đây gọi tắt là Danh mục) áp dụng cho toàn bộ hoạt động tạo lập, thu thập, lưu trữ, quản trị, chia sẻ và khai thác dữ liệu trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh. Danh mục Dữ liệu là căn cứ để xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu trong các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Danh mục này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị sau:

- Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh.
- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng, quản lý và sử dụng Danh mục

- Nguyên tắc thống nhất từ trung ương đến địa phương: Danh mục tuân thủ Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg, bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán với các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành do Bộ, ngành trung ương chủ quản.

- Nguyên tắc một nguồn dữ liệu gốc duy nhất: Mỗi đối tượng dữ liệu chỉ được tạo lập, quản lý tại một cơ quan chủ quản duy nhất. Mọi hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác tham chiếu đến đối tượng đó phải kết nối, đồng bộ từ nguồn gốc.

- Nguyên tắc thu thập một lần, dùng nhiều lần: Dữ liệu chỉ được thu thập trực tiếp từ người dân, tổ chức một lần. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu thông qua nền tảng kỹ thuật dùng chung, không yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại thông tin đã có trong hệ thống.

- Nguyên tắc chất lượng dữ liệu: Dữ liệu trong Danh mục phải bảo đảm đạt tiêu chuẩn "Đúng - Đủ - Sạch - Sống - Thống nhất - Dùng chung", được kiểm tra, cập nhật thường xuyên và chịu sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

- Nguyên tắc an toàn và bảo mật: Việc chia sẻ, khai thác dữ liệu trong Danh mục phải tuân thủ các quy định của Luật An ninh mạng, Luật An toàn thông tin mạng, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước. Dữ liệu đủ điều kiện công bố phải được công bố dưới dạng dữ liệu mở theo quy định của pháp luật, phù hợp với mức chia sẻ "Mở" quy định tại Bảng giải thích thuật ngữ kèm theo Danh mục.

- Nguyên tắc đặc thù địa phương: Bên cạnh việc tuân thủ khung quốc gia, Danh mục phản ánh các nhóm dữ liệu đặc thù của tỉnh Điện Biên, gồm: dữ liệu về đồng bào dân tộc thiểu số, dữ liệu biên mậu - cửa khẩu, dữ liệu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt và dữ liệu vùng biên giới.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

3. Công an tỉnh là đầu mối chủ trì:

- Hướng dẫn, đôn đốc các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường thực hiện chuẩn hóa, số hóa dữ liệu theo Danh mục. Phối hợp với đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá chất lượng dữ liệu.

- Tổ chức rà soát, cập nhật Danh mục định kỳ hàng năm hoặc khi có thay đổi về tổ chức bộ máy, thẩm quyền quản lý.

- Quản lý Từ điển dữ liệu tỉnh Điện Biên, bảo đảm đồng bộ với Từ điển dữ liệu dùng chung quốc gia.

4. Các Sở, ban, ngành tỉnh là cơ quan chủ quản các nhóm dữ liệu thuộc lĩnh vực phụ trách:

- Tổ chức tạo lập, thu thập, số hóa, chuẩn hóa và bảo đảm chất lượng dữ liệu theo Danh mục trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Kết nối, đồng bộ dữ liệu lên các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành do Bộ, ngành chủ quản theo đúng lộ trình.

- Chủ động chia sẻ dữ liệu thông qua LGSP tỉnh khi có yêu cầu hợp pháp từ cơ quan khác.

- Bố trí cán bộ đầu mối phụ trách dữ liệu (Data Steward) chịu trách nhiệm về chất lượng và quản trị dữ liệu của đơn vị.

- Thực hiện rà soát, bảo đảm tính chính xác của dữ liệu gốc; cập nhật dữ liệu đúng thời hạn hoặc theo định kỳ quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan tổng hợp, đề xuất sửa đổi, bổ sung Danh mục, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khi có thay đổi về tổ chức bộ máy, phân công chức năng nhiệm vụ hoặc văn bản pháp luật mới.

- Phối hợp với Công an tỉnh trong việc xác định danh mục dữ liệu chủ, bảo đảm kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và an ninh mạng trên địa bàn tỉnh; theo dõi việc chia sẻ dữ liệu, kiểm tra chất lượng dữ liệu; phối hợp với các Sở, ban, ngành thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá chất lượng dữ liệu; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

- Vận hành nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) làm hạ tầng kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các đơn vị.

6. Sở Tài chính bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ chuẩn hóa dữ liệu, số hóa tài liệu và vận hành hạ tầng dữ liệu dùng chung tỉnh.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm thu thập, tạo lập dữ liệu gốc tại cơ sở (hộ tịch, dân cư, đất đai, kinh tế - xã hội...) bảo đảm đúng quy trình, biểu mẫu và tiêu chuẩn dữ liệu do cơ quan chủ quản cấp tỉnh hướng dẫn.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Công an (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Tập đoàn FPT;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, KGVX^(PHN).

CHỦ TỊCH

Lê Văn Lương

PH NHI: DANH M C D LI U CH DÙNG CHUNG T NH I N BIÊN

NHÓM 1: DỮ LIỆU CHỦ VỀ CON NGƯỜI

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
1.1	DC-CN-001	Dữ liệu dân cư	Thông tin định danh cá nhân của công dân trên địa bàn tỉnh, bao gồm: số định danh cá nhân, họ tên, ngày sinh, giới tính, quê quán, nơi thường trú, dân tộc, tôn giáo, ảnh chân dung	Công dân	Công an tỉnh Điện Biên (phối hợp với Bộ Công an)	CSDL Quốc gia về dân cư (VNeID)	Có kiểm soát	Tham chiếu CSDLQG dân cư; không tạo lập mới tại tỉnh
1.2	DC-CN-002	Dữ liệu dân cư	Thông tin hộ gia đình, quan hệ các thành viên, địa chỉ thường trú, tình trạng cư trú	Hộ gia đình	Công an tỉnh Điện Biên	CSDL Quốc gia về dân cư	Có kiểm soát	Liên kết với DC-CN-001
1.3	DC-CN-003	Dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức	Thông tin hồ sơ cá nhân của đội ngũ CBCCVC	Cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	CSDL quản lý CBCCVC tỉnh	Có kiểm soát	Đồng bộ với CSDL CBCCVC quốc gia
1.4	DC-CN-004	Dữ liệu người lao động	Thông tin về người lao động đang làm việc trên địa bàn tỉnh: định danh, hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHXH thất nghiệp	Người lao động	Sở Nội vụ	Hệ thống quản lý lao động, việc làm	Có kiểm soát	Kết nối với BHXH Việt Nam
1.5	DC-CN-005	Dữ liệu người dân tộc thiểu	Thông tin về công dân thuộc đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn: thành phần dân tộc,	Công dân dân tộc thiểu	Sở Dân tộc và Tôn giáo	CSDL dân tộc thiểu số tỉnh	Có kiểm soát	Đặc thù Điện Biên - tỷ lệ dân tộc thiểu số

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
		số	ngôn ngữ, phong tục, địa bàn cư trú, chính sách hỗ trợ đang thụ hưởng	số				>82%
1.6	DC-CN-006	Dữ liệu đối tượng an sinh xã hội	Thông tin về các đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh: người nghèo, cận nghèo, hộ chính sách, người có công, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Đối tượng thụ hưởng	Sở Nội vụ (phụ trách an sinh) / Sở Y tế (bảo trợ xã hội)	Hệ thống thông tin quản lý hộ nghèo; CSDL đối tượng chính sách	Có kiểm soát	
1.7	DC-CN-007	Dữ liệu học sinh, sinh viên	Thông tin về học sinh, sinh viên đang học trên địa bàn: định danh, trường, lớp, cấp học, kết quả học tập	Học sinh, sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hệ thống thông tin quản lý giáo dục (CSDL ngành Giáo dục)	Có kiểm soát	Đồng bộ với CSDL ngành giáo dục quốc gia
1.8	DC-CN-008	Dữ liệu người bệnh, người khám chữa bệnh	Thông tin về hồ sơ sức khỏe cá nhân của người dân trên địa bàn: mã bệnh nhân, tiền sử bệnh, kết quả khám, thông tin bảo hiểm y tế	Người bệnh	Sở Y tế	Hồ sơ sức khỏe điện tử (kết nối CSDL y tế quốc gia)	Có kiểm soát	Dữ liệu y tế nhạy cảm - cần bảo vệ đặc biệt

NHÓM 2: DỮ LIỆU CHỦ VỀ TỔ CHỨC

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
-----	------------	-----------------	-----------------	----------------	------------------	------------	-------------	---------

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
2.1	DC-TC-001	Dữ liệu cơ quan hành chính nhà nước	Danh sách và thông tin pháp lý của toàn bộ cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh: tên, mã, địa chỉ, chức năng nhiệm vụ, người đứng đầu, số điện thoại, thư điện tử	Cơ quan hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Danh mục cơ quan nhà nước tỉnh	Dùng chung	Cập nhật khi có thay đổi bộ máy; phối hợp Sở Nội vụ khi có thay đổi tổ chức
2.2	DC-TC-002	Dữ liệu đơn vị sự nghiệp công lập	Thông tin về trường học, bệnh viện, trung tâm y tế, đơn vị sự nghiệp khác: tên, mã, loại hình, năng lực, địa chỉ	Đơn vị sự nghiệp	Sở Nội vụ	Danh mục đơn vị sự nghiệp tỉnh	Dùng chung	Tham chiếu dữ liệu giao dịch về biên chế, vị trí việc làm tại DG-NV-001
2.3	DC-TC-003	Dữ liệu doanh nghiệp	Thông tin pháp lý về doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn: mã số doanh nghiệp, tên, địa chỉ, ngành nghề, vốn điều lệ, người đại diện pháp luật	Doanh nghiệp	Sở Tài chính (bộ phận đăng ký kinh doanh)	CSDL Đăng ký kinh doanh quốc gia	Dùng chung	Tham chiếu CSDL quốc gia (Bộ Tài chính chủ quản)
2.3a	DC-TC-003a	Dữ liệu hộ kinh doanh	Thông tin pháp lý về hộ kinh doanh đăng ký hoạt động trên địa bàn: mã số hộ kinh doanh, tên, địa chỉ, ngành nghề, chủ hộ kinh doanh	Hộ kinh doanh	UBND cấp xã, phường (cơ quan đăng ký kinh doanh)	CSDL Đăng ký kinh doanh quốc gia	Dùng chung	Theo Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP
2.4	DC-TC-004	Dữ liệu tổ chức tôn giáo, cơ sở tôn giáo	Thông tin về các tổ chức tôn giáo, cơ sở tôn giáo được công nhận trên địa bàn: tên, địa điểm, loại hình tôn giáo, người đại diện, hoạt động	Tổ chức tôn giáo	Sở Dân tộc và Tôn giáo	CSDL tổ chức tôn giáo tỉnh	Có kiểm soát	
2.5	DC-TC-005	Dữ liệu cơ sở giáo dục	Danh sách, thông tin chi tiết về trường mầm non, tiểu	Cơ sở giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hệ thống thông tin	Dùng chung	

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
			học, trung học, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn			quản lý giáo dục		
2.6	DC-TC-006	Dữ liệu cơ sở y tế	Danh sách bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế xã phường, phòng khám: loại hình, cấp, năng lực, địa chỉ, nhân lực	Cơ sở y tế	Sở Y tế	Hệ thống thông tin quản lý y tế	Dùng chung	
2.7	DC-TC-007	Dữ liệu tổ chức kinh doanh dịch vụ du lịch	Thông tin về khách sạn, nhà nghỉ, công ty du lịch, điểm dừng chân được cấp phép trên địa bàn	Cơ sở kinh doanh du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	CSDL quản lý du lịch tỉnh	Mở (một phần)	Đặc thù Điện Biên - trọng tâm kinh tế
2.8	DC-TC-008	Dữ liệu cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu qua cửa khẩu	Thông tin doanh nghiệp, cá nhân hoạt động kinh doanh biên mậu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh	Tổ chức, cá nhân kinh doanh biên mậu	Sở Công thương	CSDL quản lý cửa khẩu - biên mậu	Có kiểm soát	Đặc thù Điện Biên - cửa khẩu Tây Trang, A Pa Chải

NHÓM 3: DỮ LIỆU CHỦ VỀ ĐỊA LÝ - HÀNH CHÍNH

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
3.1	DC-DL-001	Dữ liệu đơn vị hành chính	Danh sách đầy đủ các đơn vị hành chính của tỉnh (tỉnh, xã, phường và đặc khu nếu có): mã, tên, ranh giới, diện tích, dân số, vị trí địa lý	Đơn vị hành chính	Văn phòng UBND tỉnh	Danh mục đơn vị hành chính quốc gia	Dùng chung	Cập nhật kịp thời khi có điều chỉnh địa giới; phối hợp Sở Nội vụ khi có thay đổi tổ chức

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
3.2	DC-DL-002	Dữ liệu địa danh, địa giới hành chính	Ranh giới, tọa độ địa lý chính xác của từng đơn vị hành chính; bản đồ số hành chính tỉnh Điện Biên	Địa giới hành chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường (địa chính - địa lý)	CSDL GIS địa giới hành chính	Dùng chung	Đồng bộ với hệ thống địa giới quốc gia
3.3	DC-DL-003	Dữ liệu thửa đất, bản đồ địa chính	Thông tin pháp lý và vị trí của từng thửa đất: mã thửa, diện tích, loại đất, chủ sử dụng, tình trạng pháp lý, bản đồ địa chính số	Thửa đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường (lĩnh vực đất đai)	CSDL Đất đai quốc gia (kết nối Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Có kiểm soát	
3.4	DC-DL-004	Dữ liệu GIS nền địa lý tỉnh	Bản đồ nền số tỉnh Điện Biên gồm: địa hình, thủy văn, giao thông, thực phủ, lớp quy hoạch sử dụng đất, các lớp chuyên đề	Lớp dữ liệu GIS	Sở Nông nghiệp và Môi trường (lĩnh vực địa lý)	Nền tảng GIS dùng chung tỉnh	Dùng chung	Nền tảng tích hợp GIS cho nhiều ngành
3.5	DC-DL-005	Dữ liệu vùng biên giới, cửa khẩu	Thông tin địa lý, hành chính về đường biên giới, mốc biên giới, khu vực cửa khẩu và vùng phụ cận với Lào và Trung Quốc	Vùng biên giới	Sở Nông nghiệp và Môi trường (phối hợp Bộ đội Biên phòng)	CSDL biên giới, cửa khẩu	Có kiểm soát	Đặc thù Điện Biên - biên giới với Lào, Trung Quốc

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
3.6	DC-DL-006	Dữ liệu quy hoạch sử dụng đất	Bản đồ và danh mục quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp xã đã được phê duyệt: kế hoạch sử dụng đất, chuyên mục đích	Quy hoạch đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	CSDL quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	Dùng chung	

NHÓM 4: DỮ LIỆU CHỦ VỀ TÀI SẢN, TÀI NGUYÊN

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
4.1	DC-TS-001	Dữ liệu tài sản công	Danh mục tài sản công thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh: trụ sở, phương tiện, thiết bị, công trình	Tài sản công	Sở Tài chính	CSDL Tài sản công quốc gia	Có kiểm soát	Kết nối CSDL tài sản công (Bộ Tài chính)
4.2	DC-TS-002	Dữ liệu công trình hạ tầng giao thông	Danh mục đường bộ, cầu, cống, bến xe trên địa bàn tỉnh: mã công trình, vị trí, cấp đường, hiện trạng, đơn vị quản lý	Công trình hạ tầng giao thông	Sở Xây dựng (lĩnh vực giao thông)	CSDL hạ tầng giao thông	Dùng chung	Kết nối CSDL kết cấu hạ tầng (Cục Đường bộ Việt Nam, Bộ Xây dựng)
4.3	DC-TS-003	Dữ liệu công trình xây dựng, nhà ở	Danh mục công trình xây dựng được cấp phép, công trình hoàn công trên địa bàn: mã công trình, địa chỉ, loại công trình, chủ đầu tư	Công trình xây dựng	Sở Xây dựng	CSDL quản lý xây dựng	Có kiểm soát	

STT	Mã dữ liệu	Tên dữ liệu chủ	Phạm vi / Mô tả	Thực thể chính	Cơ quan chủ quản	CSDL nguồn	Mức chia sẻ	Ghi chú
4.4	DC-TS-004	Dữ liệu rừng và lâm nghiệp	Bản đồ và danh mục lô rừng, chủ rừng, loại rừng, diện tích trên địa bàn tỉnh: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất	Lô rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	CSDL rừng quốc gia (tỉnh Điện Biên)	Có kiểm soát	
4.5	DC-TS-005	Dữ liệu khoáng sản	Danh mục khu vực khoáng sản, giấy phép khai thác, trữ lượng trên địa bàn tỉnh	Khu vực khoáng sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	CSDL khoáng sản tỉnh	Có kiểm soát	
4.6	DC-TS-006	Dữ liệu di tích, danh thắng	Danh mục di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng: tên, mã, vị trí, cấp xếp hạng, tình trạng bảo tồn	Di tích, danh thắng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	CSDL di tích tỉnh (kết nối CSDL di sản quốc gia)	Mở	Đặc thù Điện Biên - Di tích Chiến trường Điện Biên Phủ, Di tích cấp quốc gia đặc biệt
4.7	DC-TS-007	Dữ liệu cơ sở hạ tầng số, viễn thông	Danh mục hạ tầng viễn thông, truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, trạm phát sóng trên địa bàn tỉnh	Hạ tầng số	Sở Khoa học và Công nghệ	CSDL hạ tầng số tỉnh	Có kiểm soát	

PHẦN II: DANH MỤC DỮ LIỆU GỐC THEO LĨNH VỰC CHUYÊN NGÀNH

Dữ liệu gốc là dữ liệu được tạo lập, thu thập trực tiếp từ thực tế nghiệp vụ, chưa qua tổng hợp hoặc biến đổi. Bao gồm 04 phân loại: (1) Siêu dữ liệu, (2) Dữ liệu danh mục, (3) Dữ liệu chủ, (4) Dữ liệu giao dịch chuyên ngành. Phần này tổng hợp các nhóm dữ liệu gốc theo từng lĩnh vực nghiệp vụ.

LĨNH VỰC 1: DÂN CƯ - HỘ TỊCH - TƯ PHÁP

Cơ quan chủ quản: Công an tỉnh Điện Biên (dân cư, lý lịch tư pháp); Sở Tư pháp (hộ tịch, công chứng, chứng thực)

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
1.1	DG-DC-001	Đăng ký khai sinh	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ, trích lục khai sinh; thông tin về trẻ sơ sinh, cha mẹ, ngày sinh, nơi sinh, dân tộc, quốc tịch, số định danh cá nhân	Có kiểm soát
1.2	DG-DC-002	Đăng ký kết hôn	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn; họ và tên vợ, họ và tên chồng, ngày tháng năm sinh, dân tộc, quốc tịch, số định danh cá nhân	Có kiểm soát
1.3	DG-DC-003	Đăng ký khai tử	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ, trích lục khai tử; thông tin về người mất, nguyên nhân, thời gian, số định danh cá nhân	Có kiểm soát
1.4	DG-DC-004	Nhận con nuôi, giám hộ	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ nhận con nuôi trong nước và quốc tế; hồ sơ giám hộ; số định danh cá nhân, hộ chiếu	Có kiểm soát
1.5	DG-DC-005	Cấp, đổi, cấp lại Căn cước công dân	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ yêu cầu, thông tin sinh trắc học, lịch sử cấp căn cước	Có kiểm soát
1.6	DG-DC-006	Đăng ký thường trú, tạm trú	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ đăng ký thay đổi nơi cư trú; lịch sử thay đổi địa chỉ thường trú	Có kiểm soát
1.7	DG-DC-007	Lý lịch tư pháp	Dữ liệu giao dịch	Phiếu lý lịch tư pháp; thông tin án tích, xóa án tích	Có kiểm soát
1.8	DG-DC-008	Chứng thực hợp đồng, giao dịch	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ chứng thực văn bản, hợp đồng, giao dịch tại UBND xã, phường và phòng công chứng	Có kiểm soát
1.9	DG-DC-009	Thừa phát lại	Dữ liệu giao dịch	Đăng ký hoạt động văn phòng thừa phát lại; hồ sơ tổng đạt, lập vi bằng	Có kiểm soát
1.10	DG-DC-010	Đăng ký biện pháp	Dữ liệu	Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn	Có kiểm

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
		bảo đảm	giao dịch	liên với đất	soát
1.11	DG-DC-011	Xử lý vi phạm hành chính	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực tư pháp	Có kiểm soát
1.12	DG-DC-012	Trợ giúp pháp lý	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ yêu cầu, kết quả trợ giúp pháp lý cho đối tượng được trợ giúp	Có kiểm soát
1.13	DG-DC-013	Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật	Dữ liệu danh mục	Văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh; rà soát, hệ thống hóa văn bản	Mở

LĨNH VỰC 2: ĐẤT ĐAI - TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG

Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
2.1	DG-DD-001	Cấp, đổi, gia hạn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ đăng ký, thông tin thửa đất, giao dịch chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất	Có kiểm soát
2.2	DG-DD-002	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất; quyết định chuyển mục đích sử dụng đất	Có kiểm soát
2.3	DG-DD-003	Đo đạc, lập bản đồ địa chính	Dữ liệu gốc/GIS	Kết quả đo đạc, thành lập, cập nhật bản đồ địa chính theo xã, phường	Dùng chung
2.4	DG-DD-004	Giấy phép khai thác khoáng sản	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ cấp phép; thông tin về đơn vị, khu vực, loại khoáng sản, sản lượng	Có kiểm soát
2.5	DG-DD-005	Kiểm soát môi trường	Dữ liệu giao dịch	Kết quả quan trắc môi trường (không khí, nước, đất); hồ sơ đánh giá tác động môi trường; xử lý vi phạm môi trường	Dùng chung
2.6	DG-DD-006	Tài nguyên nước	Dữ liệu giao dịch	Cấp phép khai thác nước mặt, nước ngầm; quan trắc tài nguyên nước	Có kiểm soát

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
2.7	DG-DD-007	Giao rừng, thuê rừng, chuyển đổi mục đích sử dụng rừng	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ giao, thuê rừng cho tổ chức, cá nhân; theo dõi biến động rừng	Có kiểm soát
2.8	DG-DD-008	Biến động đất đai, thống kê đất đai	Dữ liệu tổng hợp/gốc	Số liệu thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ hàng năm, 5 năm theo xã, tỉnh	Dùng chung

LĨNH VỰC 3: TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH - ĐẦU TƯ CÔNG

Cơ quan chủ quản: Sở Tài chính

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
3.1	DG-TC-001	Ngân sách nhà nước tỉnh	Dữ liệu giao dịch	Dự toán, phân bổ, quyết toán ngân sách tỉnh; thu-chi ngân sách theo từng đơn vị, lĩnh vực	Có kiểm soát
3.2	DG-TC-002	Danh mục dự án đầu tư công	Dữ liệu chủ/giao dịch	Danh mục, quyết định phê duyệt, tiến độ giải ngân, nghiệm thu các dự án đầu tư công trên địa bàn	Dùng chung
3.3	DG-TC-003	Tài sản công	Dữ liệu giao dịch	Mua sắm, sử dụng, thanh lý tài sản công; kết quả kiểm kê tài sản; Mua sắm, sử dụng, thanh lý tài sản công; kết quả kiểm kê tài sản; tham chiếu danh mục tài sản công (DC-TS-001)	Có kiểm soát
3.4	DG-TC-004	Thu thuế, phí, lệ phí	Dữ liệu giao dịch	Thông tin về kê khai, nộp thuế của tổ chức, cá nhân; hoàn thuế	Có kiểm soát
3.5	DG-TC-005	Nợ công địa phương	Dữ liệu giao dịch	Thông tin về vay nợ, trả nợ, dư nợ của ngân sách tỉnh	Có kiểm soát
3.6	DG-TC-006	Giá đất do UBND tỉnh ban hành	Dữ liệu danh mục	Bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất theo từng khu vực, loại đất, thời điểm	Dùng chung

LĨNH VỰC 4: Y TẾ - SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

Cơ quan chủ quản: Sở Y tế

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
4.1	DG-YT-001	Khám chữa bệnh, hồ sơ sức khỏe	Dữ liệu giao dịch	Lần khám, chẩn đoán, điều trị, đơn thuốc, kết quả xét nghiệm tại cơ sở y tế	Có kiểm soát
4.2	DG-YT-002	Tiêm chủng, y tế dự phòng	Dữ liệu giao dịch	Lịch sử tiêm chủng cá nhân; số liệu tiêm chủng mở rộng; số liệu dịch bệnh	Có kiểm soát
4.3	DG-YT-003	Cấp phép hoạt động y, dược	Dữ liệu giao dịch	Giấy phép hành nghề y, dược; chứng chỉ hành nghề; cấp phép cơ sở y tế tư nhân	Dùng chung
4.4	DG-YT-004	Bảo hiểm y tế	Dữ liệu giao dịch	Danh sách người tham gia BHYT; thanh toán BHYT theo cơ sở khám chữa bệnh	Có kiểm soát
4.5	DG-YT-005	An toàn thực phẩm	Dữ liệu giao dịch	Cấp giấy phép an toàn thực phẩm; kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm	Dùng chung
4.6	DG-YT-006	Bảo trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe tâm thần	Dữ liệu giao dịch	Đối tượng bảo trợ xã hội do ngành Y tế quản lý; người cai nghiện, người tâm thần	Có kiểm soát

LĨNH VỰC 5: GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
5.1	DG-GD-001	Tuyển sinh, nhập học	Dữ liệu giao dịch	Dữ liệu tuyển sinh đầu cấp; danh sách học sinh nhập học từng năm học; tham chiếu dữ liệu chủ học sinh, sinh viên (DC-CN-007) qua mã định danh học sinh thống nhất	Có kiểm soát
5.2	DG-GD-002	Kết quả học tập, tốt nghiệp	Dữ liệu giao dịch	Học bạ điện tử, kết quả thi, bằng tốt nghiệp được cấp theo từng cấp học; tham chiếu dữ liệu chủ học sinh, sinh viên (DC-CN-007) qua mã định danh học sinh thống nhất	Có kiểm soát
5.3	DG-GD-003	Cơ sở vật chất trường học	Dữ liệu chủ	Thông tin phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học, sân chơi theo từng trường	Dùng chung

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
5.4	DG-GD-004	Giáo viên, nhân viên ngành giáo dục	Dữ liệu chủ	Hồ sơ giáo viên, nhân viên: trình độ, chứng chỉ, vị trí việc làm, hợp đồng; tham chiếu dữ liệu chủ CBCCVC (DC-CN-003) qua mã định danh cán bộ thống nhất	Có kiểm soát
5.5	DG-GD-005	Học sinh bán trú, học sinh người dân tộc	Dữ liệu giao dịch	Danh sách học sinh bán trú, nội trú; học sinh người dân tộc thiểu số, học sinh vùng đặc biệt khó khăn; chính sách miễn giảm học phí; tham chiếu dữ liệu chủ học sinh, sinh viên (DC-CN-007) qua mã định danh học sinh thống nhất	Có kiểm soát
5.6	DG-GD-006	Giáo dục nghề nghiệp	Dữ liệu giao dịch	Tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng nghề; danh mục ngành nghề đào tạo	Dùng chung

LĨNH VỰC 6: NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Cơ quan chủ quản: Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
6.1	DG-NN-001	Sản xuất nông nghiệp	Dữ liệu giao dịch	Diện tích, sản lượng các loại cây trồng; đàn gia súc, gia cầm; thủy sản theo từng xã, vụ, năm	Dùng chung
6.2	DG-NN-002	Chương trình OCOP	Dữ liệu chủ/giao dịch	Danh sách sản phẩm OCOP được chứng nhận: tên sản phẩm, doanh nghiệp, sao, lĩnh vực	Mở
6.3	DG-NN-003	Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ	Dữ liệu giao dịch	Danh mục vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao; chứng nhận VietGAP, hữu cơ	Dùng chung
6.4	DG-NN-004	Xây dựng nông thôn mới	Dữ liệu giao dịch	Kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới của từng xã; tiến độ xây dựng	Dùng chung
6.5	DG-NN-005	Thủy lợi và phòng chống thiên tai	Dữ liệu chủ/giao dịch	Danh mục công trình thủy lợi; số liệu mực nước, lưu lượng; thiệt hại thiên tai; lịch sử ngập lụt	Dùng chung
6.6	DG-NN-006	Kiểm dịch động thực vật	Dữ liệu giao	Kiểm dịch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu; giám	Có kiểm

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
			dịch	sát dịch bệnh cây trồng, vật nuôi	soát
6.7	DG-NN-007	Lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng	Dữ liệu giao dịch	Kết quả tuần tra, bảo vệ rừng; cháy rừng; trồng rừng mới; giao khoán rừng	Có kiểm soát

LĨNH VỰC 7: XÂY DỰNG - GIAO THÔNG - ĐÔ THỊ

Cơ quan chủ quản: Sở Xây dựng

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
7.1	DG-XD-001	Cấp phép xây dựng	Dữ liệu giao dịch	Hồ sơ, giấy phép xây dựng cấp cho tổ chức, cá nhân; hồ sơ hoàn công	Có kiểm soát
7.2	DG-XD-002	Quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Dữ liệu chủ/GIS	Bản đồ quy hoạch chung, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt	Dùng chung
7.3	DG-XD-003	Nhà ở xã hội, nhà ở người dân tộc	Dữ liệu giao dịch	Danh sách hộ được hỗ trợ nhà ở; dự án nhà ở xã hội; chương trình nhà ở cho đồng bào dân tộc thiểu số	Có kiểm soát
7.4	DG-XD-004	Hạ tầng kỹ thuật đô thị	Dữ liệu chủ	Mạng lưới cấp thoát nước, chiếu sáng; công viên, cây xanh	Dùng chung
7.5	DG-XD-005	Vận tải và đào tạo lái xe	Dữ liệu giao dịch	Giấy phép kinh doanh vận tải, phù hiệu xe kinh doanh vận tải; tuyến/luồng, hành trình, lịch trình, biểu đồ chạy xe; đăng ký phương tiện thủy nội địa, đăng kiểm phương tiện giao thông đường bộ; bến xe khách, bến xe hàng, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, bến thủy nội địa; cơ sở đào tạo lái xe, giáo viên dạy thực hành lái xe, xe tập lái; giá cước vận tải; dữ liệu giám sát hành trình, hình ảnh người lái xe, thời gian điều khiển phương tiện, vi phạm tai nạn giao thông	Có kiểm soát

LĨNH VỰC 8: VĂN HÓA - THỂ THAO - DU LỊCH**Cơ quan chủ quản:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
8.1	DG-VH-001	Di tích lịch sử, văn hóa	Dữ liệu chủ	Hồ sơ, bản đồ, ảnh, tài liệu về di tích lịch sử, danh thắng được xếp hạng; hiện trạng bảo tồn, tu bổ; tham chiếu danh mục di tích, danh thắng (DC-TS-006)	Mở
8.2	DG-VH-002	Di sản văn hóa phi vật thể	Dữ liệu chủ	Danh mục, hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số: lễ hội, nghề truyền thống, âm nhạc, ngôn ngữ	Mở
8.3	DG-VH-003	Khách du lịch	Dữ liệu giao dịch	Lượng khách, doanh thu, cơ cấu khách du lịch trong nước và quốc tế; dữ liệu từ cơ sở lưu trú	Dùng chung
8.4	DG-VH-004	Cấp phép hoạt động văn hóa, nghệ thuật, báo chí	Dữ liệu giao dịch	Cấp phép biểu diễn, triển lãm, xuất bản; quản lý hoạt động báo chí, xuất bản trên địa bàn	Có kiểm soát
8.5	DG-VH-005	Thể thao thành tích cao, phong trào	Dữ liệu giao dịch	Kết quả thi đấu thể thao; danh sách vận động viên; cơ sở thể thao	Dùng chung

LĨNH VỰC 9: KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**Cơ quan chủ quản:** Sở Khoa học và Công nghệ (riêng mục 9.4 - An toàn thông tin mạng: Công an tỉnh)

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
9.1	DG-KH-001	Đề tài, dự án khoa học công nghệ	Dữ liệu chủ/giao dịch	Danh mục đề tài/dự án KHCN được phê duyệt; kết quả nghiên cứu; nghiệm thu	Dùng chung
9.2	DG-KH-002	Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng	Dữ liệu giao dịch	Kết quả kiểm định, kiểm tra chất lượng; công bố tiêu chuẩn; chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy	Dùng chung
9.3	DG-KH-003	Hạ tầng số, hệ thống thông tin tỉnh	Dữ liệu chủ	Danh mục hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh; tình trạng vận hành; kết nối	Có kiểm soát
9.4	DG-KH-004	An toàn thông tin mạng	Dữ liệu giao dịch	Sự cố an toàn thông tin; kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn; cảnh báo mạng	Có kiểm soát

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
9.5	DG-KH-005	Chỉ số chuyên đổi số	Dữ liệu tổng hợp	Chỉ số DTI từng Sở, UBND xã phường; chỉ số chuyên đổi số doanh nghiệp	Dùng chung
9.6	DG-KH-006	Tổ chức, doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Dữ liệu chủ	Danh mục tổ chức KHCN, doanh nghiệp KHCN được công nhận trên địa bàn tỉnh	Dùng chung
9.7	DG-KH-007	Sở hữu trí tuệ	Dữ liệu giao dịch	Đăng ký, cấp văn bằng bảo hộ sở hữu công nghiệp; nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý	Có kiểm soát
9.8	DG-KH-008	Hạ tầng viễn thông, bưu chính	Dữ liệu chủ	Danh mục hạ tầng viễn thông, bưu chính; trạm phát sóng, tuyến truyền dẫn trên địa bàn tỉnh	Có kiểm soát

LĨNH VỰC 10: CÔNG THƯƠNG - XUẤT NHẬP KHẨU - BIÊN MẬU

Cơ quan chủ quản: Sở Công Thương

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
10.1	DG-CT-001	Cấp phép kinh doanh, sản xuất công nghiệp	Dữ liệu giao dịch	Giấy phép hoạt động sản xuất công nghiệp; kinh doanh thương mại; cấp phép kinh doanh hàng hóa đặc thù	Dùng chung
10.2	DG-CT-002	Xuất nhập khẩu qua cửa khẩu	Dữ liệu giao dịch	Lượng hàng hóa, kim ngạch xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Tây Trang, A Pa Chải và các lối mở; danh mục hàng hóa	Dùng chung
10.3	DG-CT-003	Hoạt động kinh doanh biên mậu	Dữ liệu giao dịch	Dữ liệu giao thương hàng hóa biên mậu; thương nhân hoạt động khu vực biên giới; chợ cửa khẩu	Có kiểm soát
10.4	DG-CT-004	Giá cả thị trường, điện, xăng dầu	Dữ liệu giao dịch	Báo cáo giá cả hàng hóa thiết yếu định kỳ; tình hình cung ứng điện, xăng dầu	Mở
10.5	DG-CT-005	An toàn, bảo đảm hàng hóa lưu thông	Dữ liệu giao dịch	Kiểm tra, xử lý hàng gian, hàng giả, hàng nhập lậu qua cửa khẩu	Có kiểm soát

LĨNH VỰC 11: AN SINH XÃ HỘI - LAO ĐỘNG - VIỆC LÀM

Cơ quan chủ quản: Sở Nội vụ (lĩnh vực lao động, việc làm, an sinh xã hội)

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
11.1	DG-AS-001	Hộ nghèo, hộ cận nghèo	Dữ liệu chủ/giao dịch	Danh sách hộ nghèo, cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều; kết quả rà soát hàng năm	Có kiểm soát
11.2	DG-AS-002	Người có công	Dữ liệu chủ/giao dịch	Hồ sơ, danh sách người có công với cách mạng; chế độ, trợ cấp được thụ hưởng	Có kiểm soát
11.3	DG-AS-003	Lao động, việc làm	Dữ liệu giao dịch	Đăng ký lao động; cung-cầu lao động; xuất khẩu lao động; giải quyết việc làm	Có kiểm soát
11.4	DG-AS-004	Trợ cấp thất nghiệp, bảo hiểm xã hội	Dữ liệu giao dịch	Danh sách, số liệu chi trả trợ cấp thất nghiệp; dữ liệu từ BHXH	Có kiểm soát
11.5	DG-AS-005	Bảo vệ trẻ em	Dữ liệu giao dịch	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; trẻ em bị bạo lực, bóc lột; can thiệp, hỗ trợ	Có kiểm soát
11.6	DG-AS-006	Phòng chống tệ nạn xã hội	Dữ liệu giao dịch	Người nghiện ma túy, người mại dâm; cơ sở cai nghiện; kết quả cai nghiện	Có kiểm soát

LĨNH VỰC 12: DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Cơ quan chủ quản: Sở Dân tộc và Tôn giáo

(Đặc thù quan trọng của tỉnh Điện Biên với hơn 19 dân tộc thiểu số, tỷ lệ dân tộc thiểu số chiếm trên 82% dân số)

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
12.1	DG-DT-001	Phân bố dân tộc thiểu số	Dữ liệu chủ	Cơ cấu dân tộc theo từng xã, phường: số lượng, tỷ lệ, nhóm ngôn ngữ	Dùng chung
12.2	DG-DT-002	Vùng đặc biệt khó khăn	Dữ liệu chủ	Danh mục thôn, bản, xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Dùng chung
12.3	DG-DT-003	Chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc	Dữ liệu giao dịch	Đối tượng, mức hỗ trợ, kết quả thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số	Có kiểm soát
12.4	DG-DT-004	Ngôn ngữ, văn hóa dân tộc	Dữ liệu chủ	Danh mục các dân tộc, ngôn ngữ, phương ngữ; kho dữ liệu ngôn ngữ dân tộc thiểu số; giáo học pháp dạy tiếng dân tộc	Mở

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
12.5	DG-DT-005	Tổ chức, hoạt động tôn giáo	Dữ liệu chủ/giao dịch	Đăng ký hoạt động tôn giáo; sinh hoạt tín ngưỡng; phong chức, bổ nhiệm chức sắc tôn giáo	Có kiểm soát
12.6	DG-DT-006	Kết quả giám sát thực hiện chính sách dân tộc	Dữ liệu giao dịch	Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện chính sách dân tộc; kết quả kiểm tra, giám sát	Có kiểm soát

LĨNH VỰC 13: BIÊN MẬU - CỬA KHẨU - BIÊN GIỚI QUỐC GIA

Cơ quan chủ quản: Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (phối hợp Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường)

(Đặc thù quan trọng nhất của tỉnh Điện Biên: biên giới với Lào và Trung Quốc, cửa khẩu quốc tế Tây Trang, cửa khẩu A Pa Chải)

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
13.1	DG-BG-001	Xuất nhập cảnh qua cửa khẩu	Dữ liệu giao dịch	Lượt người xuất nhập cảnh; danh sách đối tượng được phép; cảnh báo an ninh biên giới	Có kiểm soát
13.2	DG-BG-002	Hàng hóa xuất nhập khẩu, tạm nhập tái xuất	Dữ liệu giao dịch	Tờ khai hải quan; danh mục hàng hóa; kim ngạch XNK	Có kiểm soát
13.3	DG-BG-003	Quản lý cư dân biên giới	Dữ liệu chủ	Hộ gia đình, cư dân sinh sống khu vực biên giới: thông tin hộ, đặc điểm sinh kế	Có kiểm soát
13.4	DG-BG-004	Tình hình an ninh biên giới	Dữ liệu giao dịch	Số liệu về vụ việc vi phạm pháp luật khu vực biên giới; buôn lậu, ma túy, di cư trái phép	Có kiểm soát
13.5	DG-BG-005	Khu kinh tế cửa khẩu	Dữ liệu chủ/giao dịch	Thông tin quy hoạch, doanh nghiệp, hoạt động kinh tế trong khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang	Dùng chung

LĨNH VỰC 14: NỘI VỤ - TỔ CHỨC BỘ MÁY - THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Cơ quan chủ quản: Sở Nội vụ

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
14.1	DG-NV-001	Tổ chức bộ	Dữ liệu	Sơ đồ tổ chức, vị trí việc làm, biên chế được giao, biên chế có mặt của	Có kiểm

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
		máy, biên chế	chủ	từng cơ quan, đơn vị; tham chiếu danh mục cơ quan hành chính (DC-TC-001) và danh mục đơn vị sự nghiệp công lập (DC-TC-002) qua mã định danh đơn vị thống nhất	soát
14.2	DG-NV-002	Tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm	Dữ liệu giao dịch	Kết quả thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ	Có kiểm soát
14.3	DG-NV-003	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	Dữ liệu giao dịch	Kế hoạch, kết quả đào tạo bồi dưỡng CBCCVC.	Có kiểm soát
14.4	DG-NV-004	Thi đua khen thưởng	Dữ liệu giao dịch	Danh sách cá nhân, tập thể được khen thưởng; hình thức khen thưởng; hồ sơ đề nghị	Dùng chung
14.5	DG-NV-005	Kiểm soát thủ tục hành chính	Dữ liệu giao dịch	Danh mục TTHC; kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC	Mở

LĨNH VỰC 15: THANH TRA - GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TỔ CÁO

Cơ quan chủ quản: Thanh tra tỉnh

STT	Mã dữ liệu	Tên nhóm dữ liệu gốc	Phân loại	Mô tả nội dung	Mức chia sẻ
15.1	DG-TT-001	Kế hoạch và kết quả thanh tra	Dữ liệu giao dịch	Kế hoạch thanh tra hàng năm; kết luận thanh tra; kiến nghị xử lý; theo dõi thực hiện kiến nghị	Có kiểm soát
15.2	DG-TT-002	Khiếu nại, tố cáo	Dữ liệu giao dịch	Đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp nhận; kết quả giải quyết; đơn thư tồn đọng	Có kiểm soát
15.3	DG-TT-003	Phòng chống tham nhũng, tiêu cực	Dữ liệu giao dịch	Kê khai tài sản; kết quả phòng chống tham nhũng; kết luận xử lý vi phạm	Có kiểm soát

PHỤ LỤC THAM CHIẾU

Bảng đối chiếu với phân loại dữ liệu theo Quyết định số 2439/QĐ-TTg

Phân loại theo QĐ 2439	Tương ứng trong Danh mục này	Ghi chú
Siêu dữ liệu (Metadata)	Quản lý tại Từ điển dữ liệu tỉnh do Sở KH&CN vận hành	Không liệt kê riêng trong Danh mục này
Dữ liệu danh mục (Reference Data)	Các nhóm dữ liệu phân loại "Dữ liệu danh mục" tại Phần I	Ví dụ: danh mục đơn vị hành chính, danh mục cơ quan
Dữ liệu chủ (Master Data)	Toàn bộ Phần I và các nhóm phân loại "Dữ liệu chủ" tại Phần II	Thực thể cốt lõi, ổn định, được tham chiếu bởi nhiều hệ thống

Phân loại theo QĐ 2439	Tương ứng trong Danh mục này	Ghi chú
Dữ liệu giao dịch (Transaction Data)	Các nhóm phân loại "Dữ liệu giao dịch" tại Phần II	Phát sinh từ nghiệp vụ, giao dịch hành chính
Dữ liệu tổng hợp và phân tích	Không thuộc phạm vi Danh mục này	Sẽ được quy định trong văn bản riêng
Dữ liệu mở	Các nhóm phân loại mức chia sẻ "Mở" trong Danh mục	Tham chiếu Danh mục dữ liệu mở tỉnh Điện Biên (ban hành riêng)

Danh sách cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành tỉnh Điện Biên phải kết nối, đồng bộ

STT	Tên CSDL quốc gia / chuyên ngành	Bộ/Cơ quan chủ quản TW	Sở/Đơn vị đầu mối tỉnh	Dữ liệu chủ/gốc địa phương phải đồng bộ
1	CSDL Quốc gia về dân cư	Bộ Công an	Công an tỉnh	DC-CN-001, DC-CN-002
2	CSDL Đất đai quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	DC-DL-003, DG-DD-001 đến DG-DD-008
3	CSDL Đăng ký kinh doanh quốc gia	Bộ Tài chính	Sở Tài chính (bộ phận đăng ký KD)	DC-TC-003
4	CSDL Bảo hiểm xã hội	BHXXH Việt Nam	BHXXH tỉnh	DG-AS-004, DG-YT-004
5	CSDL ngành Giáo dục	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	DC-CN-007, DG-GD-001 đến DG-GD-006
6	CSDL ngành Y tế (hồ sơ sức khỏe điện tử)	Bộ Y tế	Sở Y tế	DC-CN-008, DG-YT-001 đến DG-YT-006
7	CSDL tài sản công quốc gia	Bộ Tài chính	Sở Tài chính	DC-TS-001, DG-TC-003
8	CSDL cán bộ, công chức, viên chức	Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	DC-CN-003
9	CSDL Di sản văn hóa quốc gia	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	DC-TS-006, DG-VH-001
10	CSDL rừng quốc gia	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	DC-TS-004, DG-DD-007, DG-NN-007
11	CSDL Hải quan, xuất nhập	Bộ Tài chính	Sở Công Thương + Biên	DG-BG-001, DG-BG-002, DG-

STT	Tên CSDL quốc gia / chuyên ngành	Bộ/Cơ quan chủ quản TW	Sở/Đơn vị đầu mối tỉnh	Dữ liệu chủ/gốc địa phương phải đồng bộ
	khâu		phòng	CT-002